TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2024/DS-ST
Ngày: 13 – 6 - 2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương
Ông Nguyễn Tường Bích

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp*: "Hợp đồng đặt cọc"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH xây dựng K
Địa chỉ trụ sở: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh H.
Đại diện theo pháp luật**:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1974 – Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc (Vắng mặt)
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Bà Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1977 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 301 C1 đường Phan Đình P, phường P, thành phố B, tỉnh T.
Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 14/8/2023.

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH H
Địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T.
Địa chỉ liên lạc: 34/4 Trần Hưng Đạo, Phường 6, thành phố M, tỉnh T.
Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hoàng V, sinh năm: 1971 - Chức danh: Giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề 14/8/2023, bản tự khai đề ngày 01/12/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L trình bày:

Vào ngày 04 tháng 8 năm 2022 Công ty TNHH Xây dựng K (Viết tắt là Công ty K) do bà Nguyễn Thị Đ đại diện có ký kết Hợp đồng mua bán cát với Công ty TNHH H (Viết tắt là Công ty H) do ông Đặng Hoàng V đại diện mua cát để thi công gói thầu tại Khu công nghiệp tại xã P. Công ty K là Bên A (Bên mua cát), Công ty H là Bên B (Bên bán cát). Theo Điều 2 của Hợp đồng thì Công ty K có đặt cọc cho Công ty H số tiền 500.000.000 đồng, phía Công ty K phải cung cấp cát cho Công ty K với giá 148.000.000 đồng/m^2 , mỗi ngày cung cấp 1.300 m^3 cát 05 ngày sau khi ký kết hợp đồng, cung cấp cát số tiền sẽ trừ dần vào số tiền đã đặt cọc, xong thì hai bên ký tiếp số lượng. Phía Công ty H do ông Đặng Hoàng V đã nhận đầy đủ tiền cọc 500.000.000 đồng vào ngày 04/8/2022 với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 7108201005583 được mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam của Công ty TNHH H. Tuy nhiên, kể từ ngày Công ty H nhận được tiền cọc số tiền 500.000.000 đồng thì phía Công ty không có lần nào giao cát cho Công ty K như thỏa thuận theo hợp đồng đến nay, số tiền cọc 500.000.000 đồng đã nhận cũng không có hoàn trả lại cho phía Công ty K.

Nay Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH H phải trả lại số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng và yêu cầu phạt cọc theo quy định số tiền là 500.000.000 đồng. Tổng cộng 1.000.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH H phải trả lại số tiền cọc đã nhận 500.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 04/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2024, bị đơn ông Đặng Hoàng Vũ, Giám đốc Công ty TNHH H trình bày:

Ông thừa nhận ông là Giám đốc Công ty H, công ty hiện nay vẫn còn hoạt động. Công ty của ông đăng ký kinh doanh ở Bến Tre, ngành nghề kinh doanh là vật liệu xây dựng và nhiều ngành nghề khác. Ông thừa nhận giữa Công ty H với Công ty TNHH Xây dựng K do bà Nguyễn Thị Đ làm Giám đốc có ký kết hợp đồng mua bán cát đề ngày 04/8/2022, hợp đồng lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, chữ ký, chữ viết trong hợp đồng là của ông và dấu đúng là của công ty ông, hợp đồng ký kết tại tỉnh Bến Tre, tại thời điểm ký kết hợp đồng Công ty của ông đặt tại ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T (Đất ông thuê). Công ty ông là người cung cấp cát cho Công ty K, cung cấp cát san lấp. Phía Công ty K đã đặt cọc trước 500.000.000 đồng, ông sẽ cung cấp cát và trừ dần vào số tiền cọc này đến khi nào đủ tiền thì hai bên ký kết tiếp tục. Số tiền cọc 500.000.000 đồng công ty ông đã nhận đầy đủ qua hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng. Sau khi ký kết hợp đồng ngày 04/8/2022 phía Công ty ông có cung cấp cát cho Công ty K nhưng người làm của Công ty K (Không biết họ tên đầy đủ) có yêu

cầu công ty ông bồi dưỡng thêm và phải cung cấp 01 ngày 1.000 m^3 cát. Do công ty ông không cung cấp đủ cát và không đồng ý bồi dưỡng nên công ty ông không có cung cấp cát theo hợp đồng cho Công ty K đến nay và hiện nay ông bị bắt và đã xét xử trong 01 vụ án hình sự tại tỉnh T. Nay Công ty K khởi kiện Công ty H do ông làm Giám đốc phải trả lại số tiền cọc đã nhận 500.000.000 đồng ông đồng ý, còn về yêu cầu phạt cọc thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông có yêu cầu Tòa án mở phiên họp công bố chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt ông trong vụ án.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 328, 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền cọc đã nhận 500.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 04/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là Công ty TNHH H - Giám đốc là ông Đặng Hoàng V, có giấy phép kinh doanh do tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/6/2021 với mã số doanh nghiệp: 1301107301 có địa chỉ trụ sở tại ấp T, Đ, huyện B, tỉnh T (Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 30) (Bút lục số 10). Hai bên ký kết là hợp đồng mua bán cát (Bút lục số 6-8), cả hai đều là Công ty có đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi trả tiền cọc và tiền lãi suất của số tiền cọc đã nhận nên Tòa án xác định các bên tranh chấp dân sự, không phải tranh chấp kinh doanh thương mại. Hợp đồng hai bên ký kết ngày 04/8/2022 thực hiện tại ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T. Do đó, Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp dân sự theo thủ tục chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đúng quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án:

Ông Đặng Hoàng V là Giám đốc Công ty TNHH H có yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện tại biên bản lấy lời khai đề ngày 12/4/2024 (Bút lục số 87-90). Căn cứ khoản

1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng K khởi kiện đòi Công ty TNHH H phải trả lại số tiền cọc đã nhận là 500.000.000 đồng và tiền phạt cọc theo quy định số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền cọc đã nhận là 500.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 04/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/6/2024. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện trước đây, phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng K đòi Công ty TNHH H phải trả lại số tiền cọc đã nhận là 500.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng mua bán cát đề ngày 04/8/2022 (Bút lục số 6-8) tại Điều 2, trang 2 Phương thức thanh toán có nêu: "*Giá cọc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), Mỗi ngày cung cấp cát trừ dần hết số tiền đặt cọc, xong ký tiếp số lượng*.....". Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2024, bị đơn ông Đặng Hoàng V, Giám đốc Công ty TNHH H thừa nhận đã nhận đủ số tiền cọc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) mà Công ty K đã chuyển khoản (Bút lục số 9) để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng hai bên ký kết là giao cát san lấp. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận, Công ty K không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2024, bị đơn ông Đặng Hoàng V, Giám đốc Công ty TNHH H có khai từ lúc nhận tiền cọc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) đến nay phía Công ty TNHH H không có cung cấp cát theo hợp đồng cho Công ty K. Lý do theo ông V, Giám đốc Công ty H trình bày là do người làm của Công ty K (Không biết họ tên đầy đủ) có yêu cầu Công ty H bồi dưỡng thêm và phải cung cấp 01 ngày 1.000 m^3 cát nên Công ty H không đồng ý và không cung cấp được số lượng cát theo yêu cầu nên từ lúc nhận tiền cọc đến nay không có cung cấp cát cho Công ty K. Lời trình bày này của bị đơn Công ty TNHH H không được phía nguyên đơn chấp nhận, Công ty TNHH H không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này là có căn cứ. Bị đơn ông Đặng Hoàng V, Giám đốc Công ty TNHH H tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2024 (Bút lục số 87-90) có khai đồng ý trả lại tiền cọc đã nhận cho nguyên đơn Công ty K nên được công nhận. Do đó, nguyên đơn Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH H phải trả số tiền cọc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại Điều 328 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện trả tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 04/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/6/2024 của số tiền cọc 500.000.000 đồng đã nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lỗi dẫn đến không thực hiện hợp đồng là hoàn toàn thuộc về phía bị đơn. Lẽ ra có lý do không cung cấp cát được cho phía nguyên đơn như bị đơn trình bày thì bị đơn phải liên hệ, trao đổi, thương lượng lại với nguyên đơn trên tinh thần hợp tác như hợp đồng đã ký kết nhưng phía bị đơn không thực hiện và từ đó không cung cấp cát theo hợp đồng đến nay. Từ lúc nhận tiền cọc 500.000.000 đồng đến nay, phía bị đơn cũng không có trả tiền cọc đã nhận cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ và căn cứ phát sinh để yêu cầu tính lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu thời gian trả lãi suất, mức lãi suất và thời gian yêu cầu tính từ ngày 04/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp hoàn toàn nên được chấp nhận. Số tiền lãi suất bi đơn phải trả được tính như sau:

500.000.000 x 1,66% x 22 tháng 09 ngày = 185.090.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

[6] Tổng cộng tiền cọc đã nhận và tiền lãi suất bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 685.090.000 đồng (500.000.000 đồng + 185.090.000 đồng).

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công ty TNHH H phải chịu án phí là:

685.090.000 đồng = 20.000.000 đồng + (4% x 285.090.000 đồng) = 31.403.600 đồng (Ba mươi mốt triệu bốn trăm lẻ ba nghìn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 328, 351, 353, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 5, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng K đối với bị đơn Công ty TNHH H về việc yêu cầu trả số tiền cọc và tiền lãi suất.

2. Buộc Công ty TNHH H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Xây dựng K số tiền cọc và tiền lãi suất là **685.090.000 đồn**g (Sáu trăm tám mươi lăm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty TNHH H phải chịu 31.403.600 đồng (Ba mươi mốt triệu bốn trăm lẻ ba nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Xây dựng K 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007594 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương